

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2021

V/v: “*Xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Kim Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Tấn Đầu.

Ông Nguyễn Phước Lộc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Hà- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc không tham gia phiên tòa**

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 03 năm 2021 về việc: “*Xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/3/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Trần Kiều S**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp C T N, xã C D, thành phố P Q, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị đơn:** Ông **Võ Thanh P**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp C T N, xã C D, thành phố P Q, tỉnh Kiên Giang.

(Bà S và ông P có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai chị Trần Kiều S trình bày:**

Vào năm 2000 Tôi và anh Võ Thanh P tìm hiểu, tự nguyện chung sống vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc nhưng đến năm 2018 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay tôi và anh P đã sống ly thân với nhau từ năm 2018. Nay Tôi yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn anh Võ Thanh P

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên: Võ Thanh P, sinh ngày 19/5/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Võ Thanh P trình bày tại bản tự khai ngày 16/3/2021 như sau:**

Vào năm 2000 tôi và chị Trần Kiều S tự nguyện yêu thương nhau, chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung tên Võ Thanh Phú, sinh ngày 19/5/2001.

Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay.

Nay chị S yêu cầu được ly hôn với tôi thì tôi có ý kiến:

Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Trần Kiều S

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con là cháu Võ Thanh P, sinh ngày 19/5/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, cũng không ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

Bị đơn ông Võ Thanh P có nơi cư trú tại thành phố Phú Quốc, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Trần Kiều S và ông Võ Thanh P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà S và ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2]. Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2000 bà Trần Kiều S và ông Võ Thanh P sống chung như vợ chồng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết

hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống ông, bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn hạnh phúc. Bà S và ông P hiện nay không còn sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay. Nay bà S khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông P. Tuy nhiên ông, bà không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà S và ông P theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà S và ông P có 01 con chung tên: Võ Thanh Ph, sinh ngày 19/5/2001 đã trưởng thành nên bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Đối với tài sản chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết

Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Bà S và ông P xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

### **[3]. Về án phí:**

Bà Trần Kiều S phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp 300.000 đồng. Bà S không phải nộp thêm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**[1]. Về quan hệ hôn nhân:** Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Kiều S và ông Võ Thanh P

**[2]. Về con chung:** Võ Thanh Phú, sinh ngày 19/5/2001 đã trưởng thành bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét

**[3]. Về tài sản chung:** Bà S và ông P không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

**[4]. Về nợ chung:** Bà S và ông P xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[5]. Về án phí:** Bà Trần Kiều S phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007807 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, Kiên Giang. Bà S không phải nộp thêm.

Do bà Trần Kiều S và ông Võ Thanh P vắng mặt tại phiên tòa, nên bà S và ông P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Phú Quốc;
- Chi cục THADS TP. Phú Quốc;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Kim Ngân**



